

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC BÀU BÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa, ngày 22 tháng 9 năm 2025



BẢNG GIÁ THUỐC GENERIC, THUỐC YHCT

STT	TÊN HÀNG	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ+VAT	GHI CHÚ
THUỐC TÂN DƯỢC				
1	A.T Ketoconazole 2%	Tuýp	4.800	
2	ACC 200	Gói	1.635	
3	ACECYST	Viên	200	
4	AGI-BROMHEXINE	Gói	1.190	
5	AGI-NEURIN	Viên	230	
6	AGICARDI 2,5	Viên	120	
7	AGICETAM 800	Viên	365	
8	AGICLARI 500	Viên	2.050	
9	AGICLARI 500	Viên	2.050	
10	AGIFUROS	Viên	92	
11	AGILOSART 50	Viên	195	
12	AGIMOL 150	Gói	290	
13	AGIMOL 150	Gói	290	
14	AGINALXIC	Viên	920	
15	AGIOSMIN	Viên	800	
16	AGISIMVA 20	Viên	278	
17	AIRLUKAST TABLETS 5MG	Viên	900	
18	AMLODAC 5	Viên	233	
19	ASPIRIN 81	Viên	62	
20	ASPIRIN 81	Viên	62	
21	AUGXICINE 1g	Viên	2.195	
22	Acepron 325 mg	Gói	589	
23	Adrenalin	Ống	1.185	
24	Alanboss XL 10	viên	6.594	
25	Alcool 70°	Chai	30.450	
26	Aldarone	Viên	2.700	
27	Allopurinol	Viên	460	
28	Ambroxol	Viên	112	
29	Ambroxol	Chai	8.820	
30	Ambroxol	Chai	8.820	
31	Ambroxol	Viên	112	
32	Amedepin Duo	Viên	3.600	
33	Amedolfen 100	Viên	1.425	
34	Amlodipine 5 mg Cap	Viên	312	
35	Amlodipine Stella 10 mg	Viên	630	
36	Amlodipine Stella 10mg	Viên	700	
37	Amoxicilin/Acid clavulanic 250/31,2	Gói	1.027	
38	Angioblock 80mg	Viên	1.130	

39	Angut 300	viên	509	
40	Angut 300	viên	509	
41	Anvo-Rabeprazole 20mg	Viên	3.688	
42	Atocib 90	viên	4.000	
43	Atocib 90	viên	4.000	
44	Atoris 10mg	viên	818	
45	Atoris 20mg	viên	1.214	
46	Atorvastatin 10mg	Viên	330	
47	Atovze 10/10	Viên	4.800	
48	Atropin sulfat	Ống	435	
49	Bakidol Extra 250/2	Ống	2.100	
50	Bambuterol 10 A.T	Viên	303	
51	Basaglar	Bút tiêm	247.000	
52	Beatil 4mg/5mg (Xuất xưởng: Gedeo	Viên	3.670	
53	Berodual	Bình	132.323	
54	Betaserc 24mg	Viên	5.962	
55	BeticAPC 750 SR	Viên	1.266	
56	BeticAPC 750 SR	Viên	1.266	
57	Bioflora 100mg	Gói	5.500	
58	BisacodylDHG	viên	250	
59	Bisoprolol 5mg	Viên	604	
60	Biviantac	Viên	1.450	
61	Bolabio	Gói	3.570	
62	Bolabio	Gói	3.570	
63	Bospicine 200	Viên	7.700	
64	Bromhexin	Viên	38	
65	Bromhexin	Viên	38	
66	Bromhexin Actavis 8mg	Viên	516	
67	Buto-Asma	Bình	49.000	
68	CALCIUM STELLA 500 MG	Viên	3.500	
69	CALCIUM STELLA 500 MG	Viên	3.500	
70	CAPTAGIM	Viên	104	
71	CEBEST	Gói	7.900	
72	CEFUROVID 125	Gói	1.638	
73	CHALME	Gói	2.760	
74	COLESTRIM	Viên	1.450	
75	COLESTRIM SUPRA	Viên	7.000	
76	Cadirovib	Tuýp	3.945	
77	Calci Clorid	Ống	880	
78	Calcium D3	Viên	520	
79	Calcium Hasan 500 mg	viên	1.806	
80	Caldihasan	viên	840	
81	Cammic	Viên	1.480	
82	Captopril Stella 25mg	Viên	440	
83	Carmotop 25 mg	Viên	1.610	

84	Cefadroxil EG 500mg (CSNQ: EG L	Viên	1.460	
85	Cefixime 100mg	Gói	963	
86	Cefixime 50mg	Gói	796	
87	Cefotaxime 1000	Lọ	6.993	
88	Ceftanir	Viên	7.900	
89	Ceftazidime 1000	Lọ	14.763	
90	Cefuroxime 125mg	Gói	1.613	
91	Celecoxib	Viên	347	
92	Cesyruip	Chai	9.550	
93	Cetirizine EG 10 mg	Viên	345	
94	Cetraxal	Ống	8.600	
95	Cifga	Viên	889	
96	Ciprofibrate-5a Farma 100mg	Viên	5.050	
97	Ciprofloxacin	Viên	815	
98	Ciprofloxacin 0,3%	Lọ	1.972	
99	Clanzen	Viên	142	
100	Clarithromycin 500	Viên	2.054	
101	Clindastad 150	Viên	1.100	
102	Clorpheniramin 4mg	Viên	28	
103	Colchicin	Viên	265	
104	Colchicin	Viên	265	
105	Combivent	Lọ	16.074	
106	Comiaryl 2mg/500mg	viên	2.499	
107	Comiaryl 2mg/500mg	viên	2.499	
108	Cordaflex	Viên	1.260	
109	Corneil-5	Viên	287	
110	Courtois	Viên	371	
111	Coversyl Plus Arginine 5mg/1.25mg	Viên	6.500	
112	Coxnis	Viên	154	
113	Crutit	viên	8.300	
114	Curam 1000mg	Viên	5.946	
115	Curam 625mg	Viên	3.948	
116	DH-Metglu XR 1000	viên	1.785	
117	DOMUVAR	Ống	5.250	
118	Danapha-Rosu 20	Viên	800	
119	Danapha-Telfadin	Viên	1.890	
120	Dextrose	Chai	20.000	
121	Diazepam 10mg/2ml	Ống	4.480	
122	Diazepam 10mg/2ml	Ống	4.473	
123	Diazepam-Hameln 5mg/ml Injection	Ống	7.707	
124	Diltiazem Stella 60 mg	Viên	1.200	
125	Dimedrol	Ống	465	
126	DinalvicVPC	Viên	364	
127	Disolvan	Chai	8.800	
128	Disthyrox	Viên	294	

3 PH
HUNG
Y T
KHU
3 AU

129	Dobucin	Ống	32.900	
130	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofo	Viên	2.651	
131	Domperidona GP	Viên	950	
132	Donalium - DN	Viên	330	
133	Dorocron MR 60mg	Viên	630	
134	Doxycyclin 100 mg	Viên	508	
135	Drotaverin	Viên	167	
136	Drotusc	Viên	567	
137	Drotusc Forte	Viên	1.050	
138	Duoridin	Viên	5.000	
139	Duphalac	Gói	2.728	
140	Duphalac	Gói	2.592	
141	Dutasteride-5A FARMA 0,5mg	Viên	5.150	
142	Dutasvitae 0,5mg	Viên	16.800	
143	Efferalgan	Viên	2.258	
144	Elaria	Ống	8.900	
145	Elitan	Ống	14.200	
146	Enalapril	Viên	75	
147	Entacron 25	Viên	1.575	
148	Esomeprazol 20mg	Viên	221	
149	Esomeprazol 20mg	Viên	221	
150	Esomeprazol 40mg	Viên	691	
151	Esovex-40	Lọ	15.900	
152	Espumisan L	Lọ	53.300	
153	Ethambutol 400mg	Viên	1.300	
154	Ethambutol 400mg	Viên	1.300	
155	Euzmo	Viên	4.333	
156	Exforge HCT 5mg/160mg/12.5mg	Viên	18.107	
157	Ezecept 20/10	Viên	6.400	
158	Fastum Gel	Tuýp	47.500	
159	Fatfe	Viên	3.100	
160	Fefasdin 180	Viên	580	
161	Fefasdin 60	Viên	231	
162	Fefasdin 60	Viên	231	
163	Felodipine Stella 5 mg retard	Viên	1.500	
164	Femancia	Viên	567	
165	Fluconazole Stella 150mg	Viên	9.000	
166	Flunarizin 10mg	Viên	350	
167	Forlax	Gói	4.275	
168	Fucalmax	Ống	3.480	
169	Fucalmax	Ống	3.480	
170	Furosemidum Polpharma	Ống	4.400	
171	GEL-APHOS	Gói	995	
172	GYSUDO	Chai	4.494	
173	Gastevin 30mg	Viên	9.500	

174	Gelactive	gói	2.394	
175	Gelactive	gói	2.394	
176	Gelactive Fort	Gói	2.600	
177	Gelactive Fort	Gói	2.600	
178	Gikanin	Viên	355	
179	Gliclada 30mg	Viên	2.583	
180	Gliclada 60mg modified - Release tab	Viên	4.998	
181	Glizym-M	Viên	3.350	
182	Glucophage XR 750mg	Viên	3.677	
183	Glucophage XR 750mg	Viên	3.677	
184	Glucosamin 500	Viên	305	
185	Glucosamin 500 mg	Viên	320	
186	Glumeben 500mg/2,5mg	viên	2.100	
187	Glumeform 500	Viên	289	
188	Glumeform 750 XR	viên	744	
189	Glumeron 30 MR	viên	530	
190	Grafort	Gói	7.800	
191	Haemostop	Ống	11.508	
192	Halixol	Viên	1.500	
193	Hamigel-S	Gói	3.402	
194	Hapacol 150	gói	780	
195	Hapacol 250	gói	1.500	
196	Hapacol 325	viên	190	
197	Hapacol 325	viên	190	
198	Hapacol Caplet 500	viên	194	
199	Hapacol Caplet 500	viên	190	
200	Haxium 40	viên	840	
201	Hayex	Viên	1.600	
202	Hayex	Viên	1.600	
203	Hidrasec 100mg	Viên	13.125	
204	Hidrasec 10mg Infants	Gói	4.894	
205	Hidrasec 10mg Infants	Gói	4.894	
206	Hydrocolacyl	Viên	93	
207	Hyvalor plus	Viên	8.600	
208	IHYBES 300	Viên	725	
209	Ibuhadi suspensor	Lọ	17.700	
210	Ibuprofen Stella 600mg	Viên	2.500	
211	Imedoxim 100	Gói	8.500	
212	Imefed 250mg/31,25mg	Gói	7.500	
213	Imidu® 60mg	viên	1.953	
214	Imidu® 60mg	viên	1.953	
215	Incepavit 400 Capsule	Viên	1.850	
216	Infecin 3M.I.U	Viên	7.000	
217	Insuact 10	viên	259	
218	Insuact 20	viên	311	

219	Irbesartan	Viên	358	
220	Isosorbid	Viên	140	
221	Kacerin	Viên	50	
222	Kacetam	Viên	426	
223	Kagasdine	Viên	145	
224	Katrypsin	Viên	140	
225	Katrypsin	Viên	120	
226	Kavasdin 5	Viên	99	
227	Kavasdin 5	Viên	99	
228	Kernhistine 16mg Tablet	Viên	1.840	
229	Klamenti 500/62.5	gói	3.423	
230	Koact 625	Viên	3.000	
231	LEVODHG 500	viên	1.050	
232	Lachiosyn	Viên	1.420	
233	Laci-eye	Ống	24.395	
234	Lansoprazol	Viên	275	
235	Lantus Solostar	Bút tiêm	257.145	
236	Lidocain	Lọ	159.000	
237	Lifecita 400	Viên	1.200	
238	Linanrex	ống	16.100	
239	Lipvar 20	viên	338	
240	Lisonorm	Viên	4.200	
241	Losartan 25	Viên	146	
242	Losartan HCT - Sandoz	Viên	1.981	
243	Lovastatin DWP 10mg	Viên	1.134	
244	Lucitromyl 4mg	Viên	849	
245	MAZZGIN	viên	594	
246	MELOXICAM 7,5	Viên	62	
247	MEPOLY	Lọ	37.000	
248	METRONIDAZOL KABI	Chai	5.930	
249	MICEZYM 100	Gói	3.906	
250	MICEZYM 100	gói	3.906	
251	MIFE 200	viên	48.890	
252	MIFE 200	Viên	48.700	
253	MIRENZINE 5	Viên	1.250	
254	Magnesi B6	Viên	122	
255	Magnesi B6	Viên	122	
256	Magnesi-B6	viên	594	
257	Masopen 250/25	viên	3.360	
258	Maxitrol	Lọ	41.800	
259	Mebendazole 500mg	Viên	1.420	
260	Mebilax 15	viên	394	
261	Medoclav 1g	Viên	6.800	
262	Medrol	Viên	3.672	
263	Medskin Clovir 400	viên	1.778	

264	Melanov-M	Viên	3.800
265	Meloxicam 15mg	Viên	312
266	Meloxicam-Teva 7.5mg	Viên	788
267	Menison 4mg	Viên	872
268	Metazydyna	Viên	1.800
269	Metazydyna	Viên	1.800
270	Metformin 500	Viên	435
271	Metformin 500mg	Viên	170
272	Metformin XR 500	Viên	650
273	Methylprednisolon 16	Viên	702
274	Methylprednisolon 4	Viên	198
275	Methylprednisolon 4	Viên	198
276	Metronidazol 250mg	Viên	135
277	Mezamazol	Viên	420
278	Mezaterol 20	Viên	1.785
279	Mibetel HCT	viên	3.990
280	Midagentin 250/31,25	Gói	1.027
281	Midantin 250/31,25	Gói	3.129
282	Midantin 250/31,25	Gói	3.100
283	Midantin 875/125	Viên	2.097
284	Midatan 500/125	Viên	1.595
285	Midatan 500/125	Viên	1.647
286	Mildocap	Viên	675
287	Milgamma N	Ống	21.000
288	Milurit	Viên	2.500
289	Moov 7.5	Viên	280
290	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg	Ống	6.993
291	Moxieye	Ống	5.500
292	Moxifloxacin (as hydrochloride) 400mg	Viên	12.000
293	Moxifloxan 5mg/ml eye drops, solution	Lọ	80.500
294	NISTEN	Viên	2.400
295	NORMAGUT	Viên	6.780
296	NYSTATAB	Viên	620
297	NYSTATAB	Viên	720
298	Nady-Candesartan HCT 8/12,5	Viên	2.793
299	Naloxone-hameln 0.4mg/ml Injection	Ống	43.995
300	Natri clorid 0,9%	Chai	6.237
301	Natrixam 1.5mg/5mg	Viên	4.987
302	Nebicor 5mg Tablets	Viên	7.180
303	Negacef 250	Viên	2.990
304	Negacef 500	Viên	5.980
305	Neo-Tergynan	Viên	11.880
306	Neostigmine-hameln 0,5mg/ml Injection	Ống	12.800
307	Nerazzu-50	Viên	333
308	Neuropyl 800	viên	550

309	Neutrifore	Viên	1.134	
310	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml	Ống	124.999	
311	No-Spa 40mg/2ml	Ống	5.306	
312	Novotane ultra	Ống	46.730	
313	Nước oxy già 3%	Chai	17.000	
314	Omevin	Lọ	5.800	
315	Opiphine	Ống	27.993	
316	Orenko	Viên	980	
317	Oresol	Gói	1.470	
318	Oresol 4,1 g	Gói	1.040	
319	Oxytocin	Ống	6.489	
320	Ozzy-40	Viên	466	
321	PANFOR SR-1000	Viên	1.550	
322	PANFOR SR-1000	Viên	1.550	
323	PARTAMOL TAB	Viên	480	
324	PARTAMOL TAB.	Viên	480	
325	PERGLIM M-2	Viên	3.000	
326	PRUNITIL	Viên	375	
327	Pacephene	Chai	9.150	
328	Panactol	Viên	109	
329	Panactol	Viên	109	
330	Panactol 650	Viên	175	
331	Panalgan Effer 250	Gói	331	
332	Para-OPC 150mg	Gói	728	
333	Para-OPC 250mg	Gói	1.575	
334	Para-OPC 250mg	Gói	1.575	
335	Paracetamol 250mg	Gói	326	
336	Paracold 500 Effervescent	Viên	650	
337	Pdsolone-40mg	Lọ	26.890	
338	Philtobax Eye Drops	Lọ	27.500	
339	Pms-Rosuvastatin	Viên	1.599	
340	Pms-Rosuvastatin	Viên	888	
341	Pollezin	Viên	4.495	
342	Potassium Chloride Proamp 0,1Cg/ml	Ống	5.500	
343	Povidone iodine 10%	Chai	26.880	
344	Pracetam 800	viên	1.225	
345	Prednisolone 5mg	Viên	86	
346	Prololsavi 10	Viên	2.950	
347	Propranolol	Viên	600	
348	Pulmicort Respules	Ống	24.906	
349	Pyfactor 500mg	Viên	8.000	
350	Pyme Diapro MR	Viên	270	
351	Pyme Diapro MR	Viên	270	
352	Pyzacar 50 mg	Viên	1.080	
353	QUAFA - AZI 250	Viên	1.670	

354	RHYNIXSOL	Chai	2.625	
355	RINGER LACTATE	Chai	6.870	
356	ROTINVEST 20	Viên	560	
357	ROTINVEST 20	Viên	560	
358	Rabeprazol 20mg	Viên	398	
359	Ramasav	Viên	460	
360	Raxium 20	viên	504	
361	Rhomatic Gel α	Tuýp	49.500	
362	Rosuvastatin 10 mg	Viên	371	
363	Roticox 90 mg film-coated tablets	Viên	13.986	
364	SCILINM30 (30/70)	Ống	94.649	
365	STATINAGI 10	Viên	100	
366	STATINAGI 10	Viên	100	
367	STATINAGI 20	Viên	140	
368	SYSEYE	Lọ	30.000	
369	SaVi Betahistine 8	Viên	1.300	
370	SaViAlben 400	Viên	3.138	
371	Salgad	Viên	6.850	
372	Savi Irbesartan 75	Viên	2.985	
373	Savprocal D	Viên	1.390	
374	Seretide Evohaler DC 25/250 mcg	Bình xịt	278.090	
375	Setbozi	Ống	1.460	
376	Setbozi	Ống	1.460	
377	Simacone	Viên	819	
378	Simecol	chai	21.000	
379	Simelox	Gói	2.100	
380	Smecta	Gói	3.475	
381	Smecta	Gói	3.753	
382	Sodium Chloride 0,9%	Túi	19.500	
383	Solezol	Lọ	26.888	
384	Sorbitol 5g	Gói	410	
385	Sorbitol 5g	Gói	433	
386	Soshydra	Gói	1.198	
387	Spironolacton	Viên	312	
388	Stacytine 200 CAP	Viên	750	
389	Stadleucin	Viên	2.200	
390	Stadnex 20 CAP	Viên	2.710	
391	Sterolow 20	Viên	469	
392	TATANOL	Viên	210	
393	TETRACAIN 0,5%	Chai	15.015	
394	TOLUCOMBI 80MG/25MG TABLET	Viên	15.500	
395	Tabarex	Viên	1.450	
396	Tabarex	Viên	1.050	
397	Tanganil 500mg	Viên	4.612	
398	Tardyferon B9	Viên	2.849	



399	Tatanol Ultra	Viên	1.850	
400	Tavulop	Lọ	84.798	
401	Teli H	Viên	1.050	
402	Telmisartan	Viên	318	
403	Telmisartan	Viên	202	
404	Tenamyd- cefotaxime 2000	Lọ	24.675	
405	Tenamyd-Cefotaxime 1000	Lọ	11.361	
406	Tenamyd-Ceftazidime 1000	Lọ	19.488	
407	Terpin Codein 10	Viên	332	
408	Terpin codein 10	Viên	680	
409	Thelizin	Viên	75	
410	Thenadin	Viên	78	
411	Thermodol	Lọ	15.200	
412	Tobradex	Tuýp	52.300	
413	Tolucombi 40mg/12.5mg Tablets	Viên	8.694	
414	Tracardis 80	Viên	500	
415	Tridabu	Viên	3.780	
416	Troysar AM	Viên	5.200	
417	Tunadimet	Viên	266	
418	Turbe	Viên	1.748	
419	Turbezid	Viên	2.798	
420	Turbezid	Viên	2.798	
421	Twynsta	Viên	13.122	
422	Ulcomez	Lọ	27.390	
423	Usapril 10	Viên	154	
424	VT-Amlopril 8mg/5mg	Viên	6.800	
425	Vaspycar MR	Viên	350	
426	Vaspycar MR	Viên	350	
427	Vastarel OD 80mg	Viên	5.410	
428	Vastec 35 MR	viên	389	
429	Vastec 35 MR	viên	389	
430	Vazolore	Viên	670	
431	Vein Plus	Viên	2.980	
432	Veltaron	Viên	11.193	
433	Viacoram 3.5mg/2.5mg	Viên	5.960	
434	Viacoram 7mg/5mg	Viên	6.589	
435	Vincomid	Ống	990	
436	Vingomin	Ống	11.550	
437	Vingomin	Ống	11.500	
438	Vinphatoxin	Ống	2.730	
439	Vinphyton 10mg	Ống	1.420	
440	Vinsalmol 5	Ống	8.400	
441	Vintanil 1000	Ống	24.000	
442	Vinxium	Lọ	8.270	
443	Vinzix	Viên	93	

444	Vinzix	Ống	610	
445	Visulin 2g/1g	Lọ	52.000	
446	Vitamin 3B Extra	Viên	1.000	
447	Vitamin B1	Viên	222	
448	Vitamin B1	Viên	222	
449	Vitamin B6	Viên	222	
450	Vitamin C	Viên	152	
451	Vitamin C	Viên	152	
452	Vitamin K1 10mg/1ml	Ống	1.550	
453	Vitamin PP	Viên	185	
454	Voltaren 50	Viên	3.477	
455	Vorifend 500	Viên	1.500	
456	Wamlox 5mg/80mg	Viên	9.000	
457	Xalgetz 0,4mg	Viên	3.250	
458	Xitoran	Viên	3.200	
459	Xylobalan Nasal Drop 0,05%	Lọ	28.500	
460	ZHEKOF	Viên	500	
461	ZOLASTYN	Viên	500	
462	ZYROVA 5	Viên	407	
463	Zafular	Viên	4.500	
464	Zaromax 250	viên	1.250	
465	Zaromax 500	viên	5.250	
466	Zentanil 500mg/5ml	Lọ	12.000	
467	Zhekof	Viên	458	
468	Zoamco-A	Viên	3.250	
469	Zodalan	Ống	15.750	
470	Zolmed 150	Viên	1.544	
471	m-Rednison 16	Viên	930	

CHẾ PHẨM YHCT

1	Actiso	Viên	672	
2	An thần	Viên	2.100	
3	An thần bột tâm -F	Viên	777	
4	An thần bột tâm -F	Viên	777	
5	Atiliver Diệp hạ châu	Viên	1.950	
6	Bài thạch Danapha	Viên	625	
7	Bài thạch Danapha	Viên	625	
8	Bát vị	Viên	609	
9	Bát vị	Viên	609	
10	Bồ gan tiêu độc Livsin-94	Viên	1.650	
11	Bồ trung ích khí	Viên	750	
12	Cao Phong thấp	Chai	30.240	
13	Cao ích mẫu	Chai	24.150	
14	Cerecaps	Viên	2.660	
15	Chelapan Viên mật nghệ	Viên	735	
16	Chorlatecyn	Viên	2.499	

PHÒNG
NGHĨA
TẾ
LIU VU
UBAN

17	Chè dây	Viên	714	
18	Chè dây	Viên	714	
19	Crila Forte	Viên	4.950	
20	Cảm Mạo Thông	Viên	1.500	
21	Cảm Mạo Thông	Viên	1.500	
22	Cảm cúm-f	Viên	987	
23	Diệp hạ châu	Viên	298	
24	Diệp hạ châu Vạn Xuân	Gói	4.620	
25	Dưỡng cốt Khái Hà	Gói	2.500	
26	Dưỡng tâm an thần TW3	Viên	525	
27	Dưỡng tâm an thần TW3	Viên	525	
28	Fitôbetin- f	Viên	1.200	
29	Fitôbetin- f	Viên	1.200	
30	Fitôgra-F	Viên	3.990	
31	Fitôgra-F	Viên	3.990	
32	Garlicap viên tỏi nghệ	Viên	546	
33	Hoạt huyết dưỡng não	Viên	438	
34	Kenmag	Viên	1.100	
35	Khang minh phong thấp nang	Viên	2.180	
36	Khang minh thanh huyết	Viên	1.930	
37	Khang minh tỷ viêm nang	Viên	1.920	
38	Kim tiền thảo	Viên	410	
39	Lục vị- F	Viên	462	
40	Metformin 500	Viên	435	
41	Mát gan giải độc - HT	Ống	3.150	
42	Mẫu sinh đường	Chai	24.500	
43	Ngân kiều giải độc - F	Viên	645	
44	Ngân kiều giải độc - F	Viên	645	
45	Op.Zen Viên tiêu sưng giảm đau	Viên	630	
46	Panaxanti	Viên	3.900	
47	Phong tê thấp TW3	Viên	672	
48	Phong tê thấp TW3	Viên	672	
49	Phugia	Viên	850	
50	Phyllantol	Viên	1.680	
51	Quy tỷ	Viên	870	
52	Quy tỷ dưỡng tâm OPC	Gói	4.200	
53	Rhinips	Viên	900	
54	Song hảo đại bổ tinh- F	Viên	1.239	
55	Song hảo đại bổ tinh- F	Viên	1.239	
56	Superyin	Viên	1.260	
57	Sáng mắt	Viên	650	
58	Sáng mắt-F	Viên	861	
59	Sáng mắt-F	Viên	861	
60	Thuốc ho thảo dược	Chai	20.000	
61	Thuốc trị Tomoko	Viên	4.900	

62	Thông huyết tiêu nê DHD	Viên	1.740	
63	Thập toàn đại bổ	Viên	780	
64	Tieukhatling CAPS	Viên	3.200	
65	Tioga	Viên	900	
66	Tisore - Khu Phong Hóa Tháp Xuân C	Viên	2.974	
67	Tisore - Khu Phong Hóa Tháp Xuân C	Viên	2.974	
68	Trà gừng	Gói	1.000	
69	Trà gừng	Gói	1.000	
70	Tumegas	Gói	7.455	
71	Tuzamin	Viên	2.038	
72	Viên nang sâm nhung HT	Viên	3.750	
73	Viên nang ích mẫu	Viên	450	
74	Viên nghệ mật ong	Gói	2.150	
75	Viên nhuận tràng OP.Liz	Viên	630	
76	Vphonstar	Viên	1.150	
77	Vphonstar	Viên	1.150	
78	Vạn Xuân Hộ não tâm	Viên	1.010	
79	Xoang Vạn Xuân	Viên	800	
80	Xương Khớp nhất Nhất	Viên	4.400	
81	Xương Khớp nhất Nhất	Viên	4.400	
82	Đan sâm - Tam thất	Viên	600	
83	Đại bổ khí huyết	Viên	760	
84	Đại tràng - HD	Viên	900	
85	Đại tràng TP	Gói	3.825	
86	Đại tràng hoàn	Gói	3.500	
87	Đại tràng- F	Viên	1.218	
88	Độc Hoạt Ký Sinh	Viên	660	
89	Độc Hoạt Ký Sinh	Viên	660	



MAI THỊ KIM DUNG